

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 - 2026

V/v tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trình

2. Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự- Thư ký tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2026/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1017/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà , sinh năm: 1979

Địa chỉ: - Xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông , sinh năm: 1979

Địa chỉ: - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 02/4/2026, đơn trình bày, biên bản hòa giải nguyên đơn bà trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng tôi kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại , hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau và không có tiếng nói chung.

Nay cuộc sống hôn nhân đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không có trách nhiệm gì với nhau; vì vậy, tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông .

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung tên , sinh ngày 12/01/2018. Ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tôi xác nhận không có;

- Về nợ chung: Tôi xác nhận không có.

* Bị đơn ông đã được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để ông trình bày ý kiến, cung cấp các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, nhưng ông vẫn vắng mặt nên tòa án không có lời khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ và đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đồng thời nguyên đơn cũng đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn là ông đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và lần thứ hai tại phiên tòa.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51; 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ các Điều 35; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con chung của bà với ông .

Về quan hệ hôn nhân: Bà được ly hôn với ông .

Về con chung: Giao con , sinh ngày 12/01/2018 cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Theo đơn khởi kiện của bà nộp tại Tòa án nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng và Tòa án đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là bà xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông vắng mặt không có lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn đầy đủ. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đúng sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà và ông kết hôn vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại , ; hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Trong thời gian chung sống với nhau cả hai vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, theo lời khai của bà thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không còn hợp nhau và không có tiếng nói chung.

Qua quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà và ông tồn tại nhưng không thực sự hạnh phúc, trong quá trình chung sống với nhau cả hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, giữa họ chỉ có trên danh nghĩa vợ chồng, đã từ lâu không còn trách nhiệm gì với nhau.

Việc bà kiên quyết xin ly hôn còn ông vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên Tòa án cũng không có ý kiến của ông để hòa giải, động viên vợ chồng về sống đoàn tụ gia đình, nhằm khắc phục được sự mâu thuẫn để có sức thuyết phục, níu kéo bà trở lại hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cũng không có cơ sở để bảo vệ cho ông được.

Qua xác minh tại địa phương cho thấy ông có đăng ký thường trú tại địa chỉ . Về quan hệ hôn nhân; tại địa phương không biết rõ việc kết hôn và sống chung giữa bà , ông . Tuy nhiên, ông cư trú tại địa phương, bà ở đâu địa phương không rõ.

Hội đồng xét xử xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3- Đà Nẵng tại phiên tòa về căn cứ các điều luật áp dụng cũng như đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà và ông thực sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận cho bà được ly hôn ông để giải phóng cho nhau là hoàn toàn phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Vợ chồng bà và ông có 01 con chung là , sinh ngày 12/01/2018. Ly hôn, bà xin được nuôi dưỡng con cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của đứa trẻ. Ở đây cháu hiện còn nhỏ và đang ở với bà từ trước đến nay nên cuộc sống của cháu cần có sự chăm sóc, gần bó, quan tâm của người mẹ để đảm bảo cho sự ổn định phát triển về thể chất, tinh thần cũng như việc nuôi dưỡng của mẹ, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con; hơn nữa cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để thuận tiện cho việc đi học; điều đó cũng phù hợp với nguyện vọng của bà. Xuất phát từ quyền lợi mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét cân giao hai cháu cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Tại phiên tòa, bà không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con chung là ý chí tự nguyện của bà nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

- Về tài sản chung: Bà xác nhận không có nên không đề cập đến.
- Về nợ chung: Bà xác nhận không có nên không xem xét.

[3] Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà phải chịu.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của bà đối với ông .

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà được ly hôn với ông .
2. Về con chung: Giao con , sinh ngày 12/01/2018 cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, ông không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.
4. Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 đồng, bà phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0003966 ngày 16/4/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 36, 72 của Luật thi hành án dân sự số 106/2025/QH15. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 34 Luật thi hành án dân sự số 106/2025/QH15.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- TAND TP. Đà Nẵng;
- THADS TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Văn Lâm